TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀ BÌNH** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-03-2024
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Tô Hùng Dũng

2/- Ông Dương Văn Hậu

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXX-ST ngày 31 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Sơn Thị N, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Anh Danh B, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(*Chị N có đơn xin vắng mặt, anh B vắng mặt tại phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 11 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Sơn Thị N trình bày: Chị Sơn Thị N và anh Danh B xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2021 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Quá trình chung sống, Chị N và anh B có 03 (ba) con chung tên: Danh Ngọc B1, sinh ngày 04/10/1995; Danh Thị Ngọc L, sinh ngày 01/01/1997; Danh Thị Ngọc Đ, sinh ngày 13/10/2000. Hiện các cháu B1, L, Đ đã thành niên và có

cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa Chị N và anh B là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay.

Nay, chị Sơn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Danh B; Về con chung: Đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, Chị N không còn có yêu cầu gì khác.

Đối với anh Danh B không có lời trình bày tại Toà án, đồng thời, anh B cũng không cung cấp cho Toà án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của chị Sơn Thị N theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của thủ tục tố tụng dân sự cho anh B, nhưng anh B không đến Tòa án. Vì vậy, theo quy định của pháp luật nếu bị đơn không cung cấp, tài liệu, chứng cứ cũng như ý kiến của mình thì Toà án căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sơn Thị N.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

3. Án phí: Chị Sơn Thị N phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là chị Sơn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh B, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Danh B có nơi cư trú tại Ấp L, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, chị Sơn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Danh B vắng mặt. Toà án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu đã tiến hành tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng dân sự cho anh B để tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án theo yêu cầu ly hôn giữa chị N và anh B theo quy định, nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị N và anh B.

[2] Về hôn nhân: Chị N và anh B xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2021 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu và đã được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/10/2021. Vì thế, hôn nhân giữa chị N và anh B là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Chị N xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh B là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cải nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau, chị N và anh B đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, nhưng không thể hàn gắn được, nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh B.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, chị N và anh B không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, mà thường xuyên cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại chị N và anh B đã phát sinh những mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Đối với anh B, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng nhiều lần tiến hành triệu tập hợp lệ anh B đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử, nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do. Trong suốt quá trình xét xử vụ án, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh B, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa chị N và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa chị Sơn Thị N đối với anh Danh B.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, Chị Nvà anh B có 03 (ba) con chung tên: Danh Ngọc B1, sinh ngày 04/10/1995; Danh Thị Ngọc L, sinh ngày 01/01/1997; Danh Thị Ngọc Đ, sinh ngày 13/10/2000. Hiện các cháu B1, L, Đ đã thành niên và có cuộc sống tự lập, nên chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N xác định chị N và anh B không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, Chị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Sơn Thị N đối với anh Danh B, xử cho ly hôn giữa chị Sơn Thị N và anh Danh B.

2/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Sơn Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chị Sơn Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0005100 ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Mỹ Xuyên